TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/KDTM-ST
Ngày: 23-3-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện

2. Bà Trần Ngọc Phương

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2023/TLST-KDTM ngày 04 tháng 01 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần B; địa chỉ: Lô D1, đường D1&N3 KCN Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông L V H Tr; sinh năm 1970; địa chỉ: Số 72/2, Tổ 9, Khu phố 1, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 15/10/2022). Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Thương mại kết cấu th M S, địa chỉ: Thửa số 150-290, TBĐ số 14(C3), Khu phố 1A, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông L V H Tr trình bày:

Công ty Cổ Phần B và Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thương Mại Kết Cấu Th M S đã thực hiện việc mua bán hàng hóa cho các công trình do Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thương Mại Kết cấu Th M S thi công thông qua các đơn đặt hàng.

Trong quá trình thực hiện việc mua bán hàng hóa, Công ty Cổ Phần B đã thực hiện đúng theo nhu cầu của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thương Mại Kết Cấu Th M S thông qua các phiếu giao hàng và hóa đơn giá trị gia tăng mà Công ty Cổ Phần B đã xuất và giao cho Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thương Mại Kết Cấu Th M S.

Tuy nhiên, Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thương Mại Kết Cấu Th M S đã không thực hiện đúng về việc thanh toán tiền mua hàng hóa. Tổng số tiền còn lại chưa thanh toán đến ngày 30/09/2022 là: 35.596.000 đồng (Ba mươi lăm triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng) chưa bao gồm tiền lãi quá hạn

Công ty Cổ Phần B đã rất nhiều lần gửi Thông báo đòi nợ, nhưng đến hôm nay Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thương Mại Kết Cấu Th M S vẫn chưa thanh toán cho Công ty Cổ Phần B.

Việc mua bán hàng hóa giữa 02 bên không có ký kết hợp đồng mà chỉ ký nhận bằng phiếu giao hàng số 73/2 ngày 29/02/2020, cùng ngày nguyên đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000191 gửi cho bị đơn, nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu, cụ thể: Buộc bị đơn phải thanh toán cho Công ty Cổ Phần B tiền nợ gốc: 35.596.000 đồng (Ba mươi lăm triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 01/03/2020 đến ngày 23/3/2022 là: 9.804.016 đồng (35.596.000 đồng x 9%/năm : 365 ngày x 1.117 ngày quá hạn thanh toán). Tổng tiền nợ phải trả là: 45.400.016 đồng.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000191 ngày 29/02/2020; phiếu giao hàng số 73/2 ngày 29/02/2020; bảng báo giá ngày 28/02/2020; thông báo đòi nợ ngày 05/3/2020; thông báo đòi nợ ngày 16/3/2020; thông báo đòi nợ ngày 10/4/2020.

Bị đơn Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thương Mại Kết Cấu Th M S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập đến Tòa án làm việc vào ngày 19 tháng 01 năm 2023; Thông báo tham gia phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải lần 1 và giấy triệu tập đến Tòa án tham gia phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải ngày 06 tháng 02 năm 2023; Thông báo tham gia phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải lần 2 và giấy triệu tập đến Tòa án tham gia phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải ngày 21 tháng 02 năm 2023; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến Tòa án tham gia phiên tòa ngày 08 tháng 3 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến Tòa án tham gia phiên tòa ngày 23 tháng 3 năm 2023. Tuy nhiên, Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thương Mại Kết Cấu Th M S vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Công ty Cổ phần B (sau đây gọi tắt là Công ty B) khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thương Mại Kết Cấu Th M S (sau đây gọi tắt là Công ty Th M S); địa chỉ: Thửa số 150-290, TBĐ số 14(C3), Khu phố 1A, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương phải trả toàn bộ số tiền mua bán hàng hóa chưa trả và tiền lãi do chậm thanh toán. Xét, đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại Khoản 1 Điều 30; Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn Công ty Th M S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn khởi kiện cho rằng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện việc mua bán hàng hóa cho các công trình do Công ty Th M S thi công thông qua phiếu giao hàng ngày 29/02/2020. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền hàng hóa cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ gốc: 35.596.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 01/03/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/3/2023) là: 9.804.016 đồng (35.596.000 đồng x 9%/năm : 365 ngày x 1.117 ngày quá hạn thanh toán).

[4] Về yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình thực hiện việc mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn Công ty B và bị đơn Công ty Th M S mặt dù không ký hợp mua bán hàng hóa. Tuy nhiên, Công ty B đã giao hàng theo yêu cầu của Công ty Th M S trên cơ sở là tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là phiếu giao hàng số 73/2 ngày 29/02/2020 và trên phiếu giao hàng này thể hiện rõ chữ ký nhận của người nhận hàng; số tiền hàng hóa Công ty Th M S phải thanh toán là 35.596.000 đồng; cùng ngày Công ty B đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000191 gửi cho Công ty Th M S. Sau khi giao hàng, Công ty B nhiều lần gửi thông báo yêu cầu Công ty Th M S trả tiền, nhưng Công ty Th M S không trả. Như vậy, đối chiếu các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện rõ Công ty B đã thực hiện xong nghĩa vụ giao hàng và chứng từ cho bị đơn nhưng bị đơn chưa thực hiện việc thanh toán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 50 và Điều 55 Luật thương mại nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền hàng chưa trả là 35.596.000 đồng.

[5] Về yêu cầu tính lãi suất: Do Công ty Th M S vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty B yêu cầu Công ty Th M S phải thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005.

Tại Điều 306 Bộ luật thương mại quy định "Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên

bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại trời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả…".

Căn cứ vào lãi suất cho vay của 03 ngân hàng, cụ thể: Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn; Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường hiện nay là 8.5% x 150% = 12,75%/năm. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi tính từ ngày 01/03/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/3/2023) là: 9.804.016 đồng (35.596.000 đồng x 9%/năm : 365 ngày x 1.117 ngày quá hạn thanh toán) là phù hợp có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Như vậy, Công ty Th M S phải thanh toán cho Công ty B tổng số tiền 45.400.016 đồng (trong đó tiền nợ gốc 35.596.000 đồng; nợ lãi 9.804.016 đồng).

[7] Đề nghị của đại diện Việm kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 6, khoản 2 và khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 50; Điều 55; Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

- Điều 280; Điều 351 của Bộ luật Dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần B đối với bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Thương mại kết cấu Th M S về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Thương mại kết cấu Th M S có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần B số tiền 45.400.016 đồng (trong đó tiền nợ gốc 35.596.000 đồng; nợ lãi 9.804.016 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Thương mại kết cấu Th M S phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần B số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003786 ngày 27/12/2022 (do bà Tống Thị Phượng nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi thời hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Chánh án (để báo cáo);
- VKSND thành phố Thuận An;,
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bạch Tuyết